

Bản án số: 370/2025/HC-PT

Ngày: 08 - 4 - 2025

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
về quản lý đất đai của Ủy ban nhân
dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân
trong trường hợp không ban hành
quyết định thu hồi và quyết định chi
trả tiền bồi thường về đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
1078/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi
hành chính về quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân
trong trường hợp không ban hành quyết định thu hồi và quyết định chi trả tiền
bồi thường về đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024
của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 361/2025/QĐPT-HC ngày
20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Bà Lê Ngọc P, sinh
năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp Gò Cát, xã Điền Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Trần Thị H là bà Lê Ngọc P trình bày:

Nguồn gốc đất là của bà Trần Thị M khai phá trước năm 1975. Ngày 14/12/2006, bà Trần Thị M và bà Trần Thị H đổi đất với nhau, có lập giấy tay về việc đổi đất (Bút lục số 03) nội dung: Do không có đường sổ nước và để thuận lợi cho việc canh tác thì bà M và H thỏa thuận đổi đất cho nhau để thuận việc cho việc canh tác, cụ thể: Bà H lấy phần đất của bà M với diện tích 1.251m² thuộc thửa đất số 155 và bà M lấy phần đất bà H với diện tích 1.251m² thuộc thửa đất số 154-155, bà H sử dụng từ năm 2006 cho đến nay nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi Ủy ban nhân dân huyện Đ làm con lộ đất đen vào năm 2004 ảnh hưởng đến phần đất bà B diện tích ngang 6,5 dài 180m, loại đất trồng lúa nhưng không có Quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất. Từ trước đến nay bà Ba K1 đồng ý hiến đất, có yêu cầu bồi thường về đất nhưng không được giải quyết. Trong khi cũng trên tuyến đường đắp lộ đất đen thì Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất của hộ bà Lê Thị B1 với diện tích đất thu hồi của bà B1 là 12.240m², mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà B1 với tổng số tiền là 143.926.000 đồng (thu hồi hết đất của bà B1) nhưng không xem xét bồi thường cho bà không thỏa đáng. Đến năm 2008, nhà nước tiếp tục làm lộ nhựa có chiều ngang 1,5m trên lộ đất đen 6,5m. Đến năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ thi công mở rộng lộ 3,5m trên tuyến đường từ Đình thần N thuộc xã A A đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ. Bà B xác định, những lần làm lộ bà đều không đồng ý vì Nhà nước không bồi thường, bà cũng không có hiến đất, bà có khiếu nại nhưng không được giải quyết.

Bà H có gửi đơn khiếu nại vào năm 2017 và được Văn phòng Chính phủ

trả lời bằng văn bản số 4245/VPCP-VI ngày 09/5/2018 về việc chuyển đơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh B giải quyết theo thẩm quyền và Phiếu hướng dẫn số 321/TTr-TDXLĐT ngày 13/6/2018 của Thanh tra Bộ trưởng Bộ T2 hướng dẫn các hộ dân gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện Đ để được xem xét, giải quyết.

Sau khi nhận được văn bản trên của Thanh tra Bộ T3 thì bà H có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện Đ nhưng vẫn không được xem xét giải quyết. Đến ngày 16/02/2020, bà H tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Đ và ngày 11/6/2020, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Công văn số 1715/CV-UBND với nội dung Ủy ban không ban hành Quyết định thu hồi cũng như không xem xét bồi thường đất, hoa màu, tài sản gắn liền trên đất khi thực hiện tuyến đường nêu trên. Bà H tiếp tục khiếu nại, đến ngày 28/10/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung bác yêu cầu của bà H. Sau đó, bà H tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B nhưng không được giải quyết với lý do bà H chưa được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 10/7/2023, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2081/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ các Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Sau đó, bà H khởi kiện tại Tòa án.

Nay, bà Trần Thị H yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định thu hồi và Quyết định chi trả tiền bồi thường về đất khi thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ Đình thần N đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có ảnh hưởng đến phần đất thuộc quyền sử dụng đất của bà nhưng không được bồi thường.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, người đại diện theo pháp luật là ông Trần Tuấn K (chủ tịch) trình bày ý kiến:

Tuyến đường từ Đình thần N (xã A) đến Ủy ban nhân dân xã A được hình thành từ khoảng năm 1980. Khoảng năm 1980, Nhà nước có chủ trương đắp đê ngăn mặn nhằm phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp của người dân. Hướng ứng theo chủ trương của Nhà nước, các hộ dân trên tuyến đã hiến đất, sức lao động để đắp đê ngăn mặn từ giáp với thị trấn H đến Ủy ban nhân dân xã A (mặt đê khoảng 6m, chân đê mỗi bên 2m).

Đến khoảng năm 1997, do quá trình sản xuất nông nghiệp, đê ngăn mặn bị xuống cấp, Nhà nước có chủ trương thuê cơ giới bồi đắp lại hiện trạng con đê đã đào trước đây. Tất cả người dân trên tuyến đê thống nhất cao, không ai ngăn cản.

Nhằm phục vụ cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa của người dân, khoảng năm 2004, H1 chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã A (chưa chia tách xã) và các ngành

chức năng vận động người dân làm đường đất đen trên hiện trạng con đê đã đào, đắp trước đây. Sau khi được người dân thống nhất, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A thực hiện dự án thi công tuyến đường đất đen trên hiện trạng con đê đã đào đắp khoảng năm 1980, mặt đường hoàn chỉnh có chiều rộng là 6,5m.

Khi triển khai thực hiện làm lộ đất đen các hộ dân trên tuyến đều thống nhất, không ai ngăn cản. Tuy nhiên, khi thực hiện công trình đến phần đất của hộ bà Lê Thị B1, gia đình bà B1 không thống nhất, cương quyết ngăn cản và đề nghị thu hồi, bồi thường về đất khi thực hiện làm lộ đất đen. Tại thời điểm này, nhằm phục vụ lợi ích chung và sự đi lại rất khó khăn, bức xúc của nhân dân trong khu vực. Đồng thời, xét thấy chỉ có một hộ duy nhất nên Ủy ban nhân dân huyện mới thực hiện thu hồi, bồi thường phần đất của bà Lê Thị B1. Diện tích thu hồi đất của bà Lê Thị B1 12.240m², mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản. Ngoài trường hợp của hộ bà Lê Thị B1 thì không còn trường hợp nào tương tự.

Đến khi thành lập bản đồ địa chính chính quy (2006) xác lập đường đất do Nhà nước quản lý. Từ khi hình thành đê ngăn mặn đến trước khi thực hiện dự án lộ nhựa từ Đình thần Nguyễn Trung T1 đến Ủy ban nhân dân xã A không hộ dân nào yêu cầu, khiếu nại đối với tuyến lộ này.

Đến năm 2008, do nhu cầu trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân trên tuyến, H1 đã đầu tư tuyến lộ nhựa chiều rộng mặt đường nhựa 1,5m trên phần đường đất đen 6,5m. Các hộ dân trên toàn tuyến thống nhất, không ai ngăn cản. Dự án xây dựng tuyến đường từ Đình thần N đến Ủy ban nhân dân xã A triển khai thực hiện năm 2017, mặt đường nhựa 3,5m, lề mỗi bên 01m trong phạm vi đường đất đen 6,5m người dân đã thống nhất cho Nhà nước thực hiện vào năm 2004. Do đó, việc thi công công trình không ảnh hưởng đến nhà và đất của người dân. Ủy ban nhân dân tỉnh B thống nhất với chủ trương không bồi thường về đất khi thi công gói thầu số 3 thuộc Dự án xây dựng đường về trung tâm xã A (Công văn số 1486/UBND-KT ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Từ các nội dung trên, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân huyện Đ đề nghị Tòa án xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày ý kiến: Đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu Toà án buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định chi trả tiền bồi thường giá trị đất khi thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ Đình thần N đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2024 người khởi kiện bà Trần Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Trần Thị H (có bà Lê Thị P1 đại diện theo ủy quyền) vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H vì khi Ủy ban nhân dân huyện Đ làm con lộ đất đen vào năm 2004 ảnh hưởng đến phần đất bà H nhưng không có Quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất, từ trước đến nay bà H không đồng ý hiến đất như Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày, bà có yêu cầu bồi thường về đất nhưng không được giải quyết. Trong khi cũng trên tuyến đường đắp lộ đất đen thì Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất của hộ bà Lê Thị B1 với diện tích đất thu hồi của bà B1 là 12.240m² và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà B1 với tổng số tiền là 143.926.000 đồng (thu hồi hết đất của bà B1) nhưng không xem xét bồi thường cho bà H là không thỏa đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện và người bị kiện cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc người dân hiến đất, đắp đê ngăn mặn. Tòa sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ, không thu thập bản đồ địa chính chính quy, bản đồ 299 có đúng như trình bày của người bị kiện hay không; không thu thập chứng cứ về việc ủy ban có bồi thường cho bà Lê Thị B1 hay không, mà chỉ căn cứ vào trình bày của người bị kiện để giải quyết vụ án là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Căn cứ

Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Bà Trần Thị H (có bà Lê Ngọc P là người đại diện theo ủy quyền) kháng cáo cho rằng: Khi Ủy ban nhân dân huyện Đ làm con lộ đất đen vào năm 2004 ảnh hưởng đến phần đất bà H nhưng không có Quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất, từ trước đến nay bà H không đồng ý hiến đất như Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày, có yêu cầu bồi thường về đất nhưng không được giải quyết. Trong khi cũng trên tuyến đường đắp lộ đất đen thì Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất của hộ bà Lê Thị B1 với diện tích đất thu hồi của bà B1 là 12.240m² và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà B1 với tổng số tiền là 143.926.000 đồng (thu hồi hết đất của bà B1) nhưng không xem xét bồi thường cho bà H là không thỏa đáng. Đến năm 2008, Nhà nước tiếp tục làm lộ nhựa có chiều ngang 1,5m trên lộ đất đen. Năm 2017, tiếp tục làm lộ nhựa ngang mặt đường 3,5m, lề mỗi bên 01m. Bà H xác định, những lần làm lộ bà đều không đồng ý vì Nhà nước không bồi thường, bà cũng không có hiến đất, bà có khiếu nại nhưng không được giải quyết.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, phần đất hiện bà Trần Thị H đang yêu cầu, khởi kiện có nguồn gốc hình thành từ con đê được đào đắp vào năm 1978. Thời điểm này, người dân sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước, vì để đảm bảo phục vụ tưới tiêu, ngăn mặn và sử dụng đi lại nên người dân khu vực này cùng tiến hành đào đắp hình thành con đê có vị trí song song với Kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau thuộc địa phận từ ấp T, ấp T, xã A đến ấp T xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Khoảng năm 1980, để ngăn nước mặn từ Kênh X Bạc Liêu - Cà Mau cũng làm nơi lưu trữ nước tưới tiêu thì Nhà nước có chủ trương cùng với người dân tiến hành đào đắp đất, hình thành con đê chạy dài từ Đình thần Nguyễn Trung T1 đến Ủy ban nhân dân xã A, vị trí song song với Kênh X - Cà Mau (mặt đê khoảng 6m, chân đê mỗi bên 2m).

Khoảng năm 1997, do quá trình sản xuất nông nghiệp, đê ngăn mặn bị xuống cấp, Nhà nước có chủ trương thuê cơ giới bồi đắp lại hiện trạng con đê đã đào trước đây. Nhằm phục vụ cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa của người dân, khoảng năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện dự án thi công tuyến đường đất đen trên hiện trạng con đê đã đào đắp khoảng năm 1978, mặt đường hoàn chỉnh có chiều rộng là 6,5m. Từ khi hình thành đê ngăn mặn đến trước khi thực hiện dự án lộ nhựa từ Đình thần Nguyễn Trung T1 đến Ủy ban nhân dân xã A không hộ dân nào yêu cầu, khiếu nại đối với tuyến lộ này. Năm 2008, do nhu cầu trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân trên tuyến, H1 đã đầu tư tuyến lộ nhựa chiều rộng mặt đường nhựa 1,5m trên phần đường đất đến 6,5m. Các hộ dân trên toàn tuyến thống nhất, không ai ngăn cản. Năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ thi công mở rộng lộ 3,5m trên tuyến đường từ Đình thần N thuộc xã A A đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ. Khi thi công công trình lộ mới vào năm 2017 có chiều ngang mặt lộ 3,5m, lề lộ mỗi bên 01 mét, con lộ hiện nay nằm trong phạm vi lộ đất đen 6,5m.

[3] Khi Nhà nước có chủ trương đắp đê ngăn mặn nhằm phục vụ cho việc

sản xuất nông nghiệp của người dân vào năm 1978, hưởng ứng theo chủ trương của Nhà nước, các hộ dân trên tuyến đã hiến đất, sức lao động để đắp đê ngăn mặn, thời điểm này các hộ dân không ai khiếu nại hay phản đối về việc đắp con đê này. Năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ tiếp tục thi công, xây dựng tuyến đường lộ nhựa từ Đình thần Nguyễn Trung T1 đến Trụ sở Ủy ban nhân dân xã A (có bề rộng 3,5m, lề mỗi bên 01m, tổng là 5,5m) nằm hoàn toàn trong phạm vi 6,5m lộ đất đen mà người dân đã thống nhất cho Nhà nước xây dựng vào năm 2004 cũng như quá trình thực hiện dự án, Nhà nước dựa trên mặt đường lộ cũ (trong phạm vi, diện tích đất của tuyến đê có từ năm 1978). Vì vậy, việc thi công không ảnh hưởng đến nhà, đất của các hộ dân (trong đó có gia đình bà H).

Theo bản đồ 299 thì Nhà nước đã quản lý tuyến đường này, được ghi nhận là tuyến đê từ Đình thần Nguyễn Trung T1 đến Ủy ban nhân dân xã A song song với Kênh X Bạc Liêu - Cà Mau đã hình thành. Hiện nay, tại Bản đồ chính quy được lập vào năm 2005 (Theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 27/7/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt dự án lập lưới địa chính, đo vẽ bản đồ địa chính và lập hồ sơ địa chính của hai thị trấn và huyện Đ) thể hiện Nhà nước không công nhận quyền sử dụng đất trên toàn bộ tuyến lộ cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào. Mặt khác, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Nhà nước cấp cho các hộ dân từ thời điểm năm 2005, nhà nước chỉ công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân ngoài phạm vi tuyến lộ. Vậy, sau khi hoàn thành việc làm lộ đất đen vào năm 2004, Nhà nước đã quản lý tuyến đường này nên không thu hồi, bồi thường đất đối với gia đình bà H là đúng quy định pháp luật.

[4] Đối với việc bà H cho rằng không có hiến đất làm đường và có khiếu nại nhưng không được giải quyết: Theo tài liệu do người bị kiện cung cấp thì từ năm 2004 (làm lộ) đến 2017 (làm đường nhựa) thì không có tài liệu chứng minh các hộ dân có khiếu nại việc Ủy ban nhân dân huyện Đ không bồi thường khi làm tuyến lộ qua đất của các hộ dân, trong đó có hộ bà H. Mặt khác, bà H cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh đã có khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi đất và bồi thường cho hộ bà Lê Thị B1. Do đó, lời trình bày này của bà H không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Lập luận này cũng là cơ sở để không chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Các phần quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị H sinh năm 1960 là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị H; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định chi trả tiền bồi thường giá trị đất khi thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ Đình thần N đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ.

2. Các phần quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị H được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình